**I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội**  **dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| Tuỳ bút/tản văn |
| **2** | **Viết** | Phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| Nghị luận về một vấn đề trong đời sống |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40** | | **30** | | **10** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.** | **Đọc hiểu** | **Thơ** | **Nhận biết**:  **-** Nhận biết được thể thơ (thơ bốn chữ, năm chữ).  - Nhận biết hình ảnh tiêu biểu trong bài thơ.  - Nhận biết được vai trò của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  **Thông hiểu**:  - Hiểu được thông điệp mà bài thơ gửi gắm.  - Hiểu được giá trị của cách gieo vần trong bài thơ.  - Hiểu được tác dụng của một biện pháp tu từ đã học.  - Hiểu được nghĩa của từ ngữ trong bài thơ.  - Nhận xét được vẻ đẹp của hình ảnh thơ.  **Vận dụng:**  - Trình bày và lí giải ý kiến của bản thân về một nội dung liên quan đến bài thơ.  - Trình bày được cảm xúc, suy nghĩ của bản thân được gợi ra từ bài thơ. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **Tuỳ bút/tản văn** | **\* Nhận biết:**  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tuỳ bút/ tản văn.  - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tuỳ bút/ tản văn.  **\* Thông hiểu:**  - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút/tản văn.  - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  **\* Vận dụng:**  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tuỳ bút/ tản văn.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút/ tản văn. |  |  |  |  |
| **2** | **Viết** | **Phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học** | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. |  |  |  | 1TL\* |
| **Nghị luận về một vấn đề trong đời sống** | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng. |  |  |  |  |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**

**III. ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

**Nơi tuổi thơ em**

|  |  |
| --- | --- |
| Có một dòng sông xanh  Bắt nguồn từ sữa mẹ  Có vầng trăng tròn thế  Lửng lơ khóm tre làng  Có bảy sắc cầu vồng  Bắc qua đồi xanh biếc  Có lời ru tha thiết  Ngọt ngào mãi vành môi | **Có cánh đồng xanh tươi**  **Ấp yêu đàn cò trắng**  Có ngày mưa tháng nắng  Đọng trên áo mẹ cha  Có một khúc dân ca  Thơm lừng hương cỏ dại  Có tuổi thơ đẹp mãi  Là đất trời quê hương. |
| (Nguồn https://www.thivien.net/Nguyễn-Lãm-Thắng/Nơi tuổi thơ em/) | |

**Câu 1**. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? (NB)

A. Thơ bốn chữ. **B. Thơ năm chữ.**

C**.** Thơ văn xuôi. D**.** Thơ lục bát.

**Câu 2**. Trong khổ thơ đầu của bài thơ trên có mấy hình ảnh thiên nhiên? (NB)

A. Hai hình ảnh. **B. Ba hình ảnh.**

C. Bốn hình ảnh. D**.** Năm hình ảnh.

**Câu 3.** Tác giả đã dùng yếu tố nào sau đây để làm phương tiện bộc lộ tình cảm, cảm xúc trong bài thơ trên? (NB)

**A.** **Miêu tả.** B. Thuyết minh.

C. Nghị luận. D. Biểu cảm.

**Câu 4.** Bài thơ trên muốn nhắn gửi đến chúng ta thông điệp gì? (TH)

A. Hãy yêu dòng sông xanh, yêu khóm tre làng và yêu cả cánh đồng xanh tươi.

B. Có yêu tuổi thơ thì mới biết yêu những hình ảnh quê hương tươi đẹp.

C. Mỗi người chỉ có một quê hương và một thời tuổi thơ không thể nào quên.

**D. Hãy yêu quê hương và ra sức xây dựng quê hương mình giàu đẹp.**

**Câu 5.** Sự linh hoạt trong cách gieo vần ở hai câu được gạch chân của bài thơ trên đem lại giá trị gì cho bài thơ? (TH)

A. Bộc lộ cảm xúc tự hào ngợi ca.

B. Bộc lộ cảm xúc hân hoan, vui tươi.

**C. Bộc lộ cảm xúc mến yêu da diết.**

D. Bộc lộ cảm xúc thoả mãn tuyệt đối.

**Câu 6.** Phép tu từ nhân hoá trong hai câu in đậm của bài thơ trên có tác dụng gì? (TH)

**A. Tăng sức gợi hình gợi cảm, làm cho sự vật trở nên phong phú, sinh động và có hồn.**

B. Tăng sức gợi hình gợi cảm, làm nổi bật hình ảnh quê hương tươi đẹp gắn với tuổi thơ.

C. Cho thấy hình ảnh đất trời quê hương và tuổi thơ của mỗi người có sự gắn bó mật thiết với nhau.

D. Làm nổi bật hai hình ảnh tượng trưng cho quê hương: hình ảnh “cánh đồng” và “đàn cò”.

**Câu 7**. Từ “*thơm lừng*” trong câu thơ “*Thơm lừng hương cỏ dại*” có nghĩa gì? (TH)

A. Có mùi thơm rất dễ chịu và lan toả ra thật xa.

B. Có mùi thơm bốc lên rất mạnh và rất hấp dẫn.

C. Có mùi thơm dịu nhẹ và gây cảm giác dễ chịu.

**D. Có mùi thơm lan toả ra mạnh và rộng khắp.**

**Câu 8.** Em cảm nhận những hình ảnh thiên nhiên trong bài thơ như thế nào? (TH)

A. Trần trụi, thô sơ. B. Lung linh, huyền ảo.

**C. Thân thuộc, bình dị.** D. Bao la, hùng vĩ.

**Câu 9**. Hai câu cuối của bài thơ cho thấy: tuổi thơ đẹp là tuổi thơ gắn liền với đất trời quê hương. Em có đồng ý với suy nghĩ đó không? Vì sao? (VD)

**Câu 10.**  Bài thơ mang lại cho em những cảm xúc, suy nghĩ gì về những kỉ niệm tuổi thơ và quê hương? (VD )

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Em hãy phân tích đặc điểm một nhân vật văn học mà em có ấn tượng sâu sắc. (VD cao)

**III.** **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | B | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
| **9** | HS trả lời ngắn gọn (từ 2 câu trở lên): nêu rõ quan điểm *đồng ý* hoặc *không đồng ý* vàlí giải hợp lý, thuyết phục. | 1,0 |
| **10** | HStrả lời ngắn gọn (từ 2 câu trở lên): nêu được cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về kỉ niệm tuổi thơ và quê hương. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: suy nghĩ cá nhân về đặc điểm một nhân vật văn học mà em có ấn tượng sâu sắc. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Giới thiệu tác giả, tác phẩm.  - Giới thiệu nhân vật văn học mà em có ấn tượng sâu sắc.  - Phân tích đặc điểm của nhân vật văn học (ngoại hình, tính cách, hành động, ngôn ngữ, nội tâm,…).  - Đưa ra lí lẽ, dẫn chứng làm sáng tỏ đặc điểm của nhân vật.  - Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.  - Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật. | 2,5 |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  |  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lí lẽ, dẫn chứng phù hợp. | 0,5 |